

Số: **05/2022/QĐST-DS**

*S, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”, giữa:

- *Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).*

Địa chỉ: 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H; Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện S, tỉnh Phú Yên (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/8/2021 của ông Vũ Anh T; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh huyện S).*

- *Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn Th, sinh năm 1955, bà Lê Thị S, sinh năm 1958.*

Địa chỉ: thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng**

nông nghiệp và phát triển nông thôn V và vợ chồng ông Võ Văn Th, bà Lê Thị S.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1 Số tiền phải trả: Bị đơn vợ chồng ông Võ Văn Th, bà Lê Thị S thừa nhận hiện còn nợ và chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng tổng số tiền 802.684.900đ (trong đó tiền gốc 600.000.000đ và lãi phát sinh 202.684.900đ) phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 4605LAV201904603 ngày 19/12/2019.

2.2 Thời gian trả nợ: Ngày 30/4/2022 trả đủ số tổng số 802.684.900đ.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình thì nguyên đơn Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể là:

- Quyền sử dụng đất số G742437 diện tích 260m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ 10, thửa đất số 102 tại thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên; Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, đúc 1 tấm, tường gạch trụ bê tông cốt thép; diện tích xây dựng 90m<sup>2</sup>, diện tích sàn 90m<sup>2</sup>; kết cấu nhà (9x10)m cấu tường xây, nền ceramic, mái ngói, thời điểm hoàn thành 2016.

- Quyền sử dụng đất số BY748256 diện tích 6417,6m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ 46, thửa đất số 143 tại thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên (trồng mía đã thu hoạch).

- Quyền sử dụng đất số BY748258 diện tích 9977,7m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ 46, thửa đất số 144 tại thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên (đang trồng mía).

- Quyền sử dụng đất số BY748257 diện tích 4269.4m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ 46, thửa đất số 147 tại thôn S1, xã S2, huyện S, tỉnh Phú Yên (trồng hoa màu và cây ăn trái).

Kể từ ngày 23/3/2022, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn V theo hợp đồng tín dụng số 4605LAV201904603 ngày 19/12/2019 mà các bên đã ký kết.

2.3 Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn vợ chồng Võ Văn Th, Lê Thị S tự nguyện trả số tiền 1.500.000đ cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn V.

2.4 Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bị đơn Võ Văn Th, Lê Thị S vì là người cao tuổi.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V 16.340.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002608 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- CCTHADS huyện S (02);
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ;

**THẨM PHÁN**

**Bạch Văn Trinh**